**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN P**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 31/3/2023

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Phạm Văn Cảnh;
Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Tống Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Xuân Th, sinh ngày 12/6/1989 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp ĐS, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: 01, ngày 20/9/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự tại Bản án số 150/2019/HS-PT, chưa chấp hành xong thời gian thử thách và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (chưa xóa án tích); tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Xuân Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06/7/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/12/1989 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Ấp ĐS, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1956 và bà Tống TC, sinh năm 1958;

bị cáo có chồng tên Lê Xuân Th, sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thị D bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 06/7/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp ĐS, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn MC, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn VX, xã YD, huyện Y, tỉnh Nam Định; tạm trú: Tổ 6, khu phố TA, thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân Th và Nguyễn Thị D có mối quan hệ là vợ chồng. Khoảng 22 giờ ngày 14/4/2020, Th đi ngang qua nhà ông Phạm Văn L ở ấp ĐS, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương thấy 03 cái ghế gỗ làm bằng gốc cây giá tỵ để ở vườn cao su Nông trường AB đối diện nhà ông L, (Th biết 03 cái ghế gỗ trên là của ông L) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem về nhà để sử dụng. Th về nhà kêu D dậy rồi điều khiển xe mô tô biển số 61F1-206.67 chở D đến nơi để 03 cái ghế gỗ. Tại đây, Th thấy 01 cái ghế gỗ dài nặng nên kêu D giữ xe mô tô để Th khiêng cái ghế gỗ dài để lên yên xe chở về nhà thì D đồng ý. Th điều khiển xe mô tô chở cái ghế gỗ dài về nhà cất giấu, D đi bộ về sau. Về đến nhà D đi ngủ, Th một mình điều khiển xe mô tô biển số 61F1-206.67 quay lại lô cao su chở 02 cái ghế gỗ ngắn còn lại về nhà lấy bạt trùm lại. Ngày 26/02/2022, Th liên hệ với ông Nguyễn MC ở thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước bán 03 cái ghế gỗ bằng giá tỵ với số tiền 5.000.000 đồng, MC và Th hẹn ngày 28/02/2022 gặp nhau ở Trạm dừng chân TC ở xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương để xem ghế. Sau khi xem xong, MC đồng ý mua với số tiền 5.000.000 đồng, Th điều khiển xe máy cày chở 03 cái ghế gỗ đến nhà của MC, Th thấy thích một tượng gỗ hình rùa hóa rồng nên trao đổi với MC đổi 03 cái ghế gỗ giá tỵ lấy một tượng gỗ rùa hóa rồng trị giá 4.500.000 đồng thì MC đồng ý, MC đưa cho Th số tiền 500.000 đồng. Ngày 11/5/2022, ông Phạm Văn L đi chơi ở thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước thấy có một tiệm mộc đồ gỗ MT có 03 cái ghế gỗ bằng giá tỵ nên ông L vào xem xác định chính xác 03 cái ghế gỗ trong tiệm là tài sản của ông L bị mất trộm trước đây nên đến Công an xã AB trình báo sự việc. Công an xã AB phối hợp với Công an thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước làm việc với ông Phạm Quốc Tr, ông Tr khai nhận 03 cái ghế gỗ giá tỵ là của ông Nguyễn MC thuê chà nhám. Công an thị trấn TP làm việc với ông Nguyễn MC, được biết 03 cái ghế gỗ là ông MC mua của Lê Xuân Th vào ngày 28/02/2022 ở xã AB. Công an xã AB mời Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D về làm việc. Quá trình làm việc, Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ: 03 (ba) cái ghế gỗ bằng cây giá tỵ (hiện trạng nguyên màu của gỗ) chưa phun sơn, trong đó: 01 (một) cái ghế dài và 02 (hai) cái ghế đơn; 01 (một) xe mô tô biển số 61F1-206.67; 01 (một) tượng gỗ hình rùa hóa rồng.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKSPG ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định của cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 2 Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân Th từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 150/2019/HS-PT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mà bị cáo được hưởng án treo chưa chấp hành, buộc bị cáo Th phải chấp hình phạt chung của hai bản án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Về trách nhiệm hình sự: Bị hại ông L xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D đề nghị HĐXX ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại ông L đã nhận lại tài sản và đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) khắc phục hậu quả của các bị cáo Th, D. Ông L không yêu cầu các bị cáo Th, D tiếp tục bồi thường gì thêm về dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông MC đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo Th và bị cáo D bồi thường gì về dân sự.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 61F1-206.67 do Lê Xuân Th đứng tên chủ sở hữu. Đây là phương tiện Th sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

+ 03 (ba) cái ghế gỗ làm từ gốc cây giá tỵ là tài sản của ông Phạm Văn L. Ngày 06/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông L, ông L nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

+ 01 (một) tượng gỗ hình rùa hóa rồng là tài sản của ông Nguyễn MC. Ngày 06/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông MC, ông MC nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thị D nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được ở nhà để làm ăn nuôi con.

Bị cáo Lê Xuân Th nói lời nói sau cùng: Bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về nuôi vợ nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại ông Phạm Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn MC có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông L, ông MC đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, việc vắng mặt của ông L, ông MC không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D đã khai nhận:

[3.1] Ngày 14/4/2020, bị cáo Lê Xuân Th điều khiển xe mô tô biển số 61F1-206.67 chở bị cáo Nguyễn Thị D đến lô cao su Nông trường AB thuộc ấp ĐS, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương, cả hai cùng lén lút chiếm đoạt của bị hại ông Phạm Văn L 01 (một) cái ghế gỗ giá tỵ có mặt ngồi dài 160cm, rộng 57cm, dày 14cm đem về nhà cất giấu.

[3.2] Sau khi, bị cáo Th và D chở cái ghế gỗ giá tỵ có mặt ngồi dài 160cm nói trên về nhà cất giấu thì bị cáo D đi ngủ, bị cáo Th tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 61F1-206.67 đến lô cao su lén lút chiếm đoạt của bị hại ông Phạm Văn L 01 (một) cái ghế bằng gỗ giá tỵ có mặt ngồi dài 107cm, rộng 63cm, dày 13cm có và 01 (một) ghế gỗ bằng giá tỵ có mặt ngồi dài 95cm, rộng 70cm, dày 10cm, mặt dựa dài 92cm, rộng 52cm, dày 10cm.

[3.3] Một thời gian sau (khoảng 02 năm sau), bị cáo Th dùng xe máy cày chở 03 (ba) cái ghế gỗ đến nhà của ông MC ở thị trấn TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước và thỏa thuận bán cho ông MC số tiền 5.000.000 đồng. Nhưng bị cáo Th thấy thích 01 (một) tượng gỗ hình rùa hóa rồng nên trao đổi với ông MC đổi 03 (ba) cái ghế gỗ giá tỵ lấy 01 (một) tượng gỗ rùa hóa rồng trị giá 4.500.000 đồng thì ông MC đồng ý, ông MC đưa lại cho Th số tiền 500.000 đồng.

[3.4] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội D bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D là người thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Phạm văn L vào ngày 14/4/2020.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4.1] Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P cụ thể như sau:

[4.1.1] Tài sản mà các bị cáo Th và D cùng nhau chiếm đoạt của bị hại ngày 14/4/2020: 01 (một) cái ghế bằng gỗ giá tỵ có đặc điểm như sau: Mặt ngồi (dài 160cm, rộng 57cm, dày 14cm); mặt dựa (dài 98cm, rộng 60cm, dày 9cm); chân ghế (chân số 1 cao 35cm, hoành 52cm; chân số 2 cao 33cm, hoành 39cm; chân số 3 cao 37cm, hoành 53cm; chân số 4 cao 33cm, hoành 49cm) trị giá là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[4.1.2] Tài sản mà một mình bị cáo Th chiếm đoạt của bị hại ngày 14/4/2020 có tổng trị giá là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó: 01 (một) cái ghế bằng gỗ giá tỵ có đặc điểm như sau: Mặt ngồi (dài 107cm, rộng 63cm, dày 14cm); mặt dựa (dài 90cm, rộng 70cm, dày 12cm); chân ghế (chân số 1: Cao 26cm, hoành 47cm; chân số 2: Cao 30 cm, hoành 45cm; chân số 3: Cao 33 cm, hoành 50cm; chân số 4: Cao 33cm, hoành 50cm) là 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) cái ghế bằng gỗ giá tỵ có đặc điểm như sau: Mặt ngồi (dài 95cm, rộng 70cm, dày 10cm); mặt dựa (dài 92cm, rộng 52cm, dày 10cm); chân ghế (chân số 1: Cao 33cm, hoành 47cm; chân số 2: Cao 33cm, hoành 53cm; chân số 3: Cao 30cm, hoành 55cm; chân số 4: Cao 33cm, hoành 50cm) là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

[4.2] Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Do đó, Cáo trạng số 85/CT-VKSPG ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] HĐXX xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Th là người chủ mưu và người thực hành, bị cáo D là người thực hành. Tuy nhiên, cũng cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Về nhân thân, bị cáo Th đã bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" bị xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, bị cáo không tu dưỡng, sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo Th.Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7.1] Đối với bị cáo Th đang chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (20/9/2019) về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự tại Bản án số 150/2019/HS-PT ngày 20/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương. Đến ngày 14/4/2020, bị cáo Th đang trong thời gian thử thách của án treo nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy, HĐXX buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt của Bản án số 150/2019/HS-PT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; các quy định được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[7.2] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định một mức hình phạt phù hợp.

[7.2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Đối với bị cáo Lê Xuân Th:

+ Bị cáo Th thực hiện hai lần chiếm đoạt tài sản vào ngày 14/4/2022 và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên thuộc trường hợp

phạm tội 02 (hai) lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Th đang chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (20/9/2019) về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự tại Bản án số 150/2019/HS-PT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo số 22/2019/QĐ-CA ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Th chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo được xem là tái phạm.

Vì vậy, bị cáo Th phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị D: Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7.2.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Đối với bị cáo Lê Xuân Th: Bị cáo Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội khắc phục hậu quả và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn. Do đó, bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị D: Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội khắc phục hậu quả và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn. Do đó, bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.2.3] Xét bị cáo D có mức hình phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và nơi làm việc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nơi làm việc ổn định. Qua đó, HĐXX xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn MC đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo Th, D bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng của vụ án:

[10.1] Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 61F1-206.67 do bị cáo Lê Xuân Th đứng tên chủ sở hữu. HĐXX xét thấy, đây là phương tiện bị cáo Th sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10.2] Đối với 03 (ba) cái ghế gỗ làm từ gốc cây giá tỵ, là tài sản của ông Phạm Văn L. Ngày 06/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông L, ông L nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10.3] Đối với 01 (một) tượng gỗ hình rùa hóa rồng, là tài sản của ông Nguyễn MC. Ngày 06/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông MC, ông MC nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với việc ông Nguyễn MC khi mua 03 (ba) cái ghế gỗ bằng giá tỵ do bị cáo Th bán, ông MC không biết tài sản trên do bị cáo Th phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông MC không đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[12] Vào ngày 28/02/2022, bị cáo Th điều khiển xe máy cày chở 03 (ba) cái ghế gỗ bán cho ông MC. Xe máy cày là tài sản chung của bị cáo Th và bị cáo D mua vào cuối năm 2020 của một người (không rõ nhân thân lai lịch), khi mua không có giấy tờ mua bán, không có giấy đăng ký. Sau khi chở ghế gỗ cho ông MC thì bị cáo Th đã bán xe máy cày cho một người (không rõ nhân thân lai lịch). Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không thu giữ được nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 và khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, các Điều 135, 136, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 2 Điều 56, Điều 58 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân Th 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 150/2019/HS-PT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Th phải chấp hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Uỷ ban nhân dân xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị D có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị D kể từ ngày 31/3/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 61F1-206.67 (nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, số khung: RLCS5C6HOEY085085, số máy: 5CH6-085099).

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

6.2 Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện P; (1)
- Công an huyện P; (2)
- Chi cục THADS huyện P; (1)
- UBND xã AB (để thông báo); (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (1)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Lâm**

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Xuân Th, Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

6.2 Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Cảnh - Lê Thị Phương Dung Nguyễn Hữu Lâm**